



Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025



Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB
Thông tin chung

	Trang
Thông tin về Công ty	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	10
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	11 - 33

CH
CỘNG
HỮU

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB
Thông tin về Công ty

Giấy phép Thành lập

và Hoạt động Quản lý Quỹ số	41/UBCK-GP	ngày 28 tháng 10 năm 2008
	54/UBCK-GP	ngày 2 tháng 12 năm 2009
	33/GPĐC-UBCK	ngày 25 tháng 10 năm 2013
	5/GPĐC-UBCK	ngày 9 tháng 2 năm 2015
	30/GPĐC-UBCK	ngày 3 tháng 12 năm 2015
	100/GPĐC-UBCK	ngày 20 tháng 10 năm 2022
	24/GPĐC-UBCK	ngày 4 tháng 6 năm 2025
	53/GPĐC-UBCK	ngày 22 tháng 7 năm 2025

Giấy Chứng nhận Đăng ký

Kinh doanh/Doanh nghiệp số	0306123351	ngày 28 tháng 10 năm 2008
-----------------------------------	------------	---------------------------

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0306123351 ngày 23 tháng 6 năm 2025. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Thành viên

Ông Nguyễn Đức Thái Hân	Chủ tịch (từ ngày 12 tháng 6 năm 2025) Thành viên (đến ngày 12 tháng 6 năm 2025)
Ông Đỗ Minh Toàn	Chủ tịch (đến ngày 12 tháng 6 năm 2025)
Ông Trịnh Bảo Quốc	Thành viên (từ ngày 12 tháng 6 năm 2025)
Ông Huỳnh Duy Sang	Thành viên (từ ngày 12 tháng 6 năm 2025)
Ông Nguyễn Văn Hòa	Thành viên (đến ngày 12 tháng 6 năm 2025)

Người đại diện theo pháp luật (*)

Ông Nguyễn Đức Thái Hân	Chủ tịch (từ ngày 22 tháng 7 năm 2025)
Ông Đỗ Minh Toàn	Chủ tịch (đến ngày 22 tháng 7 năm 2025)

(*) Thay đổi Người đại diện theo pháp luật theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 53/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 22 tháng 7 năm 2025.

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc

Bà Lê Yên Quỳnh

Tổng Giám đốc

(từ ngày 1 tháng 4 năm 2025)

Ông Nguyễn Minh Tuấn

Tổng Giám đốc

(đến ngày 1 tháng 4 năm 2025)

Trụ sở đăng ký

Lầu 12, Số 480 Nguyễn Thị Minh Khai
Phường Bàn Cờ
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

12-
HA
TY
M
HO

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 5 tháng 9 năm 2011 hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 6 đến trang 33 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 5 tháng 9 năm 2011 hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ này.



Lê Yên Quỳnh
Tổng Giám đốc
Thay mặt và đại diện cho
Chủ tịch Hội đồng Thành viên

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2025



Chi nhánh Công ty TNHH KPMG
Tầng 10, Tòa nhà Sun Wah
115 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi Nhà đầu tư
Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 12 tháng 8 năm 2025 được trình bày từ trang 6 đến trang 33.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 5 tháng 9 năm 2011 hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.





Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 25-01-00544-25-1



Nelson Rodriguez Casihan
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Phạm Huy Cường
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2675-2024-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2025

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Mẫu B01a - CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2025 VND	31/12/2024 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 +130)	100		1.064.974.470.315	60.448.695.972
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	1.001.213.782.455	721.793.021
Tiền	111		1.213.782.455	721.793.021
Các khoản tương đương tiền	112		1.000.000.000.000	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		59.337.000.000	58.738.500.000
Chứng khoán kinh doanh	121	5(a)	5.037.000.000	5.738.500.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(b)	54.300.000.000	53.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.423.687.860	988.402.951
Phải thu khách hàng	131		-	28.557.100
Phải thu từ hoạt động nghiệp vụ	134	6	428.100.738	272.045.850
Phải thu ngắn hạn khác	135	7	3.995.587.122	687.800.001
Tài sản dài hạn (200 = 220)	200		4.166.663	12.499.997
Tài sản cố định	220		4.166.663	12.499.997
Tài sản cố định vô hình	227	8	4.166.663	12.499.997
Nguyên giá	228		50.000.000	50.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(45.833.337)	(37.500.003)
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.064.978.636.978	60.461.195.969
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		2.108.766.592	1.143.199.346
Nợ ngắn hạn	310		2.108.766.592	1.143.199.346
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	9	935.768.961	334.527.027
Phải trả người lao động	315	10	850.500.000	692.000.000
Chi phí phải trả	316		-	40.560.000
Phải trả ngắn hạn khác	319		322.497.631	76.112.319
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.062.869.870.386	59.317.996.623
Vốn chủ sở hữu	410		1.062.869.870.386	59.317.996.623
Vốn góp	411	11	1.050.000.000.000	50.000.000.000
Quỹ dự phòng tài chính	418		1.352.861.426	1.352.861.426
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		725.363.093	725.363.093
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		10.791.645.867	7.239.772.104
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.064.978.636.978	60.461.195.969

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B01a - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2025 VND	31/12/2024 VND
Chứng khoán lưu ký của Công ty	006		4.380.000.000	4.990.000.000
- Chứng khoán giao dịch	007		4.380.000.000	4.990.000.000
Tiền gửi ngân hàng của nhà đầu tư ủy thác	030	12	15.022.227	14.698.669
- Nhà đầu tư ủy thác trong nước	031		15.022.227	14.698.669
Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	040	13	2.544.500.000.000	1.865.800.000.000
- Nhà đầu tư ủy thác trong nước	041		2.544.500.000.000	1.865.800.000.000
Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	050	14	68.758.977.540	38.268.454.248

Ngày 12 tháng 8 năm 2025

Người lập

Trần Thị Thanh Trà
Người lập

Người soát xét

Trần Thị Mỹ Hương
Kế toán quỹ
Thay mặt và đại diện cho
Kế toán trưởng

Người duyệt



Lê Yên Quỳnh
Tổng Giám đốc
Thay mặt và đại diện cho
Chủ tịch Hội đồng Thành viên

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025****(Phương pháp trực tiếp)****Mẫu B03a - CTQ***(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	2.371.890.016	1.650.533.100
Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02	(958.810.758)	(91.950.162)
Tiền chi trả cho người lao động	03	(2.303.818.350)	(1.641.732.905)
Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(758.905.706)	(429.337.223)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	187.167.850	155.809.030
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(490.210.600)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20	(1.952.687.548)	(356.678.160)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Gửi tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng	23	(36.300.000.000)	(18.000.000.000)
Thu tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng	24	35.000.000.000	30.100.000.000
Tiền thu từ thanh lý cổ phiếu	26	2.224.616.065	371.142.450
Tiền thu từ lãi tiền gửi	27	1.520.060.917	2.971.381.584
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30	2.444.676.982	15.442.524.034
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	1.000.000.000.000	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	1.000.000.000.000	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	1.000.491.989.434	15.085.845.874
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ (Thuyết minh 4)	60	721.793.021	982.224.426
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 4)	70	1.001.213.782.455	16.068.070.300

Ngày 12 tháng 8 năm 2025

Người lập

Trần Thị Thanh Trà
Người lập

Người soát xét

Trần Thị Mỹ Hương
Kế toán quỹ
Thay mặt và đại diện cho
Kế toán trưởng

Người duyệt

Lê Xên Quỳnh
Tổng Giám đốc
Thay mặt và đại diện cho
Chủ tịch Hội đồng Thành viên

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025

Mẫu B09a - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB (“Công ty”) là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động Quản lý Quỹ số 41/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam (“UBCKNN”) cấp ngày 28 tháng 10 năm 2008. Giấy phép Thành lập và Hoạt động đã được điều chỉnh nhiều lần và lần gần nhất số 53/GPĐC-UBCK được cấp ngày 22 tháng 7 năm 2025. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh Nghiệp lần thứ 3 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 6 năm 2025.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty bao gồm thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.

(c) Cấu trúc và nhân sự của Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có duy nhất một (1) Trụ sở chính tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty có 14 nhân viên (31/12/2024: 8 nhân viên).

(d) Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 (“Thông tư 125”) do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Các chuẩn mực này và các quy định pháp lý có liên quan có thể khác biệt trên một số khía cạnh trọng yếu so với các Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế cũng như các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán được chấp nhận chung ở các quốc gia khác. Do đó, báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được thừa nhận chung ở các nước và các quyền tài phán khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng các báo cáo này không nhằm dành cho những đối tượng sử dụng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty quản lý quỹ.

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09a - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính giữa niên độ, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp trực tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Các chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với kỳ hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày gửi. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09a - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

(c) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi có bằng chứng là giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi tại các ngân hàng có thời hạn trên ba tháng. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu hoạt động nghiệp vụ và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Tài sản cố định vô hình

Trang điện tử

Trang điện tử được xem là phần mềm máy vi tính và được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(f) Các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09a - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

(g) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(h) Hợp đồng quản lý danh mục đầu tư

Công ty nhận tiền từ khách hàng và sử dụng số tiền này để đầu tư vào danh mục đầu tư được quy định trong hợp đồng thay cho khách hàng theo các điều khoản của hợp đồng quản lý danh mục đầu tư. Khoản đầu tư vào danh mục đầu tư được quy định trong hợp đồng thay cho khách hàng theo hợp đồng quản lý danh mục đầu tư và các tài sản và nợ phải trả liên quan đến các hợp đồng này được ghi nhận trong mục các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 125.

(i) Vốn góp

Vốn góp được ghi nhận tại ngày góp vốn theo số thực góp trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc góp vốn.

(j) Các quỹ dự trữ bắt buộc

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 114/2021/TT-BTC (“Thông tư 114”) thay thế Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 (“Thông tư 146”) do Bộ Tài chính ban hành nhằm hướng dẫn về chế độ tài chính áp dụng đối với các công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ. Thông tư 114 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 2 năm 2022. Theo đó, Công ty đã ngừng phân bổ lợi nhuận sau thuế đã thực hiện vào quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự phòng tài chính từ năm 2022. Theo Thông tư 114:

- Số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ đã được trích lập theo quy định tại Thông tư 146 được dùng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các quy định liên quan khác.
- Số dư quỹ dự phòng tài chính có thể dùng bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Hội đồng Thành viên của Công ty theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các quy định liên quan khác.

Tại ngày phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty chưa đưa ra các quyết định liên quan đến số dư của quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự phòng tài chính.

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09a - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

(k) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm tài sản sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Công ty có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm tài sản sẵn sàng để bán.

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09a - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(I) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09a - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu và thu nhập khác được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế và doanh thu và thu nhập khác có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

(i) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Phí quản lý quỹ và phí quản lý danh mục đầu tư được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iii) Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi Công ty nhận được Thông báo khớp lệnh cho các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (đối với chứng khoán niêm yết) và thỏa thuận chuyển nhượng tài sản đã được hoàn tất (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09a - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

(n) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là bên liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ (nhà đầu tư), công ty mẹ cấp cao nhất của nhà đầu tư này và các công ty con và công ty liên kết của của các công ty này. Các bên liên quan cũng bao gồm các quỹ do Công ty quản lý.

(o) Số dư bằng không

Các khoản mục hoặc số dư quy định trong Thông tư 125 không được phản ánh trên báo cáo tài chính giữa niên độ này thì được hiểu là có số dư bằng không.

(p) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính giữa niên độ này được trình bày dưới dạng số liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ trước.

4. Tiền

	30/6/2025	31/12/2024
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng	1.213.782.455	721.793.021
Các khoản tương đương tiền (*)	1.000.000.000.000	-
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ	<u>1.001.213.782.455</u>	<u>721.793.021</u>

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng bằng VND với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng và được hưởng lãi suất năm từ 4,60% đến 4,75% (31/12/2024: không có).

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09a - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

5. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

(a) Chứng khoán kinh doanh

	30/6/2025			31/12/2024				
	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (*) VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (*) VND	Dự phòng giảm giá VND
Cổ phiếu chưa niêm yết								
Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn	438.000	5.037.000.000	11.913.600.000	-	499.000	5.738.500.000	14.021.900.000	-

(*) Giá trị hợp lý của cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn (mã chứng khoán: SGP) được xác định dựa trên giá đóng cửa của cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("sàn UPCOM") tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn phần ảnh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng bằng VND với thời gian đáo hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này hưởng lãi suất dao động từ 4,90% đến 6,10% (31/12/2024: từ 4,80% đến 5,60%).

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09a - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

6. Phải thu từ hoạt động nghiệp vụ

	30/6/2025 VND	31/12/2024 VND
Phải thu từ hoạt động quản lý danh mục đầu tư các nhà đầu tư ủy thác trong nước	397.469.045	241.371.616
Phải thu từ hoạt động quản lý quỹ cho Quỹ Đầu tư ACB50 (“ACB50”) - một bên liên quan (Thuyết minh 21(b)) (i)	30.631.693	30.674.234
	<hr/>	<hr/>
	428.100.738	272.045.850

- (i) Các khoản phải thu từ bên liên quan này về hoạt động quản lý quỹ không có bảo đảm, không tính lãi và có thời gian thanh toán là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

7. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2025 VND	31/12/2024 VND
Lãi dự thu từ tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	3.995.587.122	687.800.001
	<hr/>	<hr/>

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09a - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

8. Tài sản cố định vô hình

	Trang điện tử VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ/số dư cuối kỳ	50.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	37.500.003
Khấu hao trong kỳ	8.333.334
	45.833.337
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	12.499.997
Số dư cuối kỳ	4.166.663

9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2025 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	30/6/2025 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	279.093.457	887.968.440	(758.905.706)	408.156.191
Thuế thu nhập cá nhân	55.433.570	672.542.990	(200.363.790)	527.612.770
	334.527.027	1.560.511.430	(959.269.496)	935.768.961

10. Phải trả người lao động

	30/6/2025 VND	31/12/2024 VND
Lương, thưởng phải trả	850.500.000	692.000.000

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09a - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

11. Vốn góp

Vốn điều lệ được duyệt và đã góp của Công ty là:

	Được duyệt và đã góp		Được duyệt và đã góp	
	VND	%	VND	%
Công ty TNHH Chứng khoán ACB ("Công ty mẹ")	1.050.000.000.000	100%	50.000.000.000	100%

Biến động vốn điều lệ đã góp trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
Số dư đầu kỳ	50.000.000.000	50.000.000.000
Góp vốn bằng tiền từ Công ty mẹ	1.000.000.000.000	-
Số dư cuối kỳ	1.050.000.000.000	50.000.000.000

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09a - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

12. Tiền gửi ngân hàng của nhà đầu tư ủy thác

Tiền gửi ngân hàng của nhà đầu tư ủy thác là các khoản tiền gửi ngân hàng của nhà đầu tư ủy thác trong nước như sau:

	30/6/2025	31/12/2024
	VND	VND
Công ty Cổ phần Real Stake Fintech	15.022.227	14.698.669

Chi tiết biến động tiền gửi ngân hàng trong kỳ của nhà đầu tư ủy thác như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	14.698.669	64.083.872
Tăng trong kỳ	2.202.213.324.387	1.338.230.059.306
<i>Tiền thu từ nhà đầu tư ủy thác</i>	<i>1.106.400.000.000</i>	<i>602.730.407.123</i>
<i>Tiền thu từ rút tiền gửi có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi</i>	<i>1.039.800.000.000</i>	<i>695.000.000.000</i>
<i>Lãi tiền gửi có kỳ hạn và chứng chỉ tiền gửi nhận được</i>	<i>56.013.324.387</i>	<i>40.499.652.183</i>
Giảm trong kỳ	(2.202.213.000.829)	(1.338.282.195.949)
<i>Gửi tiền có kỳ hạn, mua chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu</i>	<i>(1.732.400.000.000)</i>	<i>(892.300.000.000)</i>
<i>Phí dịch vụ ngân hàng lưu ký</i>	<i>-</i>	<i>(333.597.732)</i>
<i>Chuyển lợi nhuận và vốn gốc cho nhà đầu tư</i>	<i>(469.813.000.829)</i>	<i>(445.648.598.217)</i>
Số dư cuối kỳ	15.022.227	11.947.229

13. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác

	30/6/2025	31/12/2024
	VND	VND
Nhà đầu tư ủy thác trong nước		
Danh mục do Công ty đứng tên		
▪ Chứng chỉ tiền gửi	58.800.000.000	100.900.000.000
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	2.465.700.000.000	1.764.900.000.000
▪ Trái phiếu niêm yết do tổ chức tín dụng phát hành	20.000.000.000	-
	2.544.500.000.000	1.865.800.000.000

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09a - CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

Chi tiết danh mục đầu tư nắm giữ hệ nhà đầu tư ủy thác và do Công ty đứng tên như sau:

	30/6/2025		31/12/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (*) VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý (*) VND
Chứng chỉ tiền gửi				
▪ Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	23.000.000.000	23.000.000.000	-	12.000.000.000
▪ Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	22.300.000.000	22.300.000.000	-	-
▪ Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC	13.500.000.000	13.500.000.000	-	85.400.000.000
▪ Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	-	-	-	3.500.000.000
	58.800.000.000	58.800.000.000	-	100.900.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn				
▪ Ngân hàng TMCP Bán Việt	905.100.000.000	905.100.000.000	-	795.900.000.000
▪ Ngân hàng TMCP Nam Á	850.100.000.000	850.100.000.000	-	-
▪ Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	336.500.000.000	336.500.000.000	-	207.100.000.000
▪ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	248.000.000.000	248.000.000.000	-	637.900.000.000
▪ Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	104.000.000.000	104.000.000.000	-	-
▪ Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam	18.000.000.000	18.000.000.000	-	4.000.000.000
▪ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	4.000.000.000	4.000.000.000	-	10.000.000.000
▪ Ngân hàng TMCP Á Châu	-	-	-	110.000.000.000
	2.465.700.000.000	2.465.700.000.000	-	1.764.900.000.000
Trái phiếu niêm yết				
▪ Ngân hàng TMCP Bán Việt	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-
	2.544.500.000.000	2.544.500.000.000	-	1.865.800.000.000

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09a - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

(*) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau trong việc ước tính giá trị hợp lý của danh mục đầu tư nắm giữ hộ nhà đầu tư ủy thác:

- Đối với chứng chỉ tiền gửi, tiền gửi có kỳ hạn, giá trị hợp lý là số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán do thời gian đáo hạn ngắn của các công cụ tài chính này.
- Đối với trái phiếu đã niêm yết, giá trị hợp lý của trái phiếu là giá giao dịch gần nhất tại Sở Giao dịch chứng khoán trong vòng 10 ngày tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính. Trường hợp không có giao dịch trong vòng 10 ngày tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý là giá trị sổ sách tại ngày lập báo cáo tài chính.

14. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác

	30/6/2025	31/12/2024
	VND	VND
Lãi dự thu từ tiền gửi có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu niêm yết	68.758.977.540	38.268.454.248
	68.758.977.540	38.268.454.248

15. Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Phí quản lý		
▪ Hoạt động quản lý danh mục đầu tư ủy thác (i)	2.342.457.700	1.089.761.424
▪ Hoạt động quản lý quỹ (ii)	185.487.204	238.573.850
	2.527.944.904	1.328.335.274

- (i) Công ty đã ký các hợp đồng ủy thác đầu tư với nhà đầu tư ủy thác, theo đó Công ty được nhận phí quản lý hàng tháng dựa trên giá trị đầu tư bình quân hàng tháng.
- (ii) Công ty hiện đang quản lý duy nhất Quỹ Đầu tư ACB50 là quỹ thành viên, được thành lập tại Việt Nam. Thông tin chi tiết về các quỹ này như sau:

Tên viết tắt	Loại hình	Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập	Giá trị tài sản ròng
			tại ngày 30/6/2025
			VND
ACB50	Quỹ thành viên	Số 64/GCN-UBCK ngày 17 tháng 11 năm 2022 và có thời hạn 5 năm kể từ ngày ký	61.217.754.766
			61.217.754.766

Công ty được nhận phí quản lý từ Quỹ Đầu tư ACB50 ở mức 0,6% của giá trị tài sản ròng mỗi năm.

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09a - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

16. Chi phí hoạt động kinh doanh

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Chi phí nhân viên	1.364.083.480	904.852.430
Chi phí quản lý danh mục đầu tư	674.322.577	-
	<hr/>	<hr/>
	2.038.406.057	904.852.430

17. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	4.827.848.038	1.643.138.570
Lãi từ bán chứng khoán kinh doanh	1.497.858.000	245.200.000
	<hr/>	<hr/>
	6.325.706.038	1.888.338.570

18. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Chi phí nhân viên	1.902.550.540	508.324.535
Chi phí văn phòng	235.079.300	29.123.572
Chi phí dịch vụ mua ngoài	101.406.491	24.524.000
Chi phí khác	132.338.084	26.717.591
	<hr/>	<hr/>
	2.371.374.415	588.689.698



Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09a - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Kỳ hiện tại	887.968.440	344.331.167

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	4.439.842.203	1.721.655.833
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	887.968.440	344.331.167

(c) Thuế suất áp dụng

Mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành áp dụng cho Công ty là 20%. Việc tính thuế thu nhập doanh nghiệp phải chịu sự kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế.

20. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đánh giá và quản lý rủi ro.

Hội đồng Thành viên của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra việc Ban Tổng Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09a - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

(a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Công ty phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký kết với Công ty, rủi ro này phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản phải thu.

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính đã phát hành thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức rủi ro tín dụng tối đa tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Thuyết minh	30/6/2025 VND	31/12/2024 VND
Tiền gửi ngân hàng	(i)	1.001.213.782.455	721.793.021
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	(i)	54.300.000.000	53.000.000.000
Phải thu khách hàng	(ii)	-	28.557.100
Phải thu từ hoạt động nghiệp vụ	(ii)	428.100.738	272.045.850
Phải thu ngắn hạn khác	(ii)	3.995.587.122	687.800.001
		<hr/>	<hr/>
		1.059.937.470.315	54.710.195.972

(i) Tiền gửi ngân hàng và đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản tiền gửi ngân hàng và đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(ii) Phải thu từ hoạt động nghiệp vụ và phải thu khác

Phải thu hoạt động nghiệp vụ và phải thu khác chủ yếu bao gồm phải thu từ hoạt động quản lý danh mục đầu tư, quản lý quỹ, phải thu lãi từ tiền gửi có kỳ hạn. Rủi ro tín dụng liên quan đến các khoản phải thu từ hoạt động quản lý danh mục đầu tư, quản lý quỹ được xem là rất thấp do các khoản phải thu này chủ yếu là phải thu từ hoạt động quản lý danh mục đầu tư, quản lý quỹ thuộc quản lý của Công ty. Ban Tổng Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

(b) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09a - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Phải trả ngắn hạn khác	322.497.631	322.497.631	322.497.631
<hr/>			
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Chi phí phải trả	40.560.000	40.560.000	40.560.000
Phải trả ngắn hạn khác	76.112.319	76.112.319	76.112.319
	116.672.319	116.672.319	116.672.319

(c) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Công ty sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty không phải chịu rủi ro trọng yếu về lãi suất vì Công ty không có bất cứ khoản vay nào và lãi suất của các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại là lãi suất cố định.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2025 VND	31/12/2024 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Tiền gửi ngân hàng	1.001.213.782.455	721.793.021
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	54.300.000.000	53.000.000.000

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09a - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

(ii) *Rủi ro giá thị trường*

Rủi ro giá thị trường là rủi ro mà giá trị của công cụ tài chính bị sụt giảm bởi sự thay đổi của chỉ số chứng khoán và giá trị của từng loại chứng khoán.

Công ty đầu tư vào chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty đại chúng chưa niêm yết (“sàn UPCOM”) mà các chứng khoán này sẽ bị ảnh hưởng bởi rủi ro giá thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của thị trường tương lai của các chứng khoán này. Công ty quản lý rủi ro giá thị trường bằng việc thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định.

(iii) *Rủi ro tiền tệ*

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính của Công ty bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Công ty không bị ảnh hưởng bởi rủi ro tiền tệ do các tài sản và các khoản nợ của Công ty là do có gốc tiền tệ là Đồng Việt Nam cũng là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

(d) *Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính*

Giá trị hợp lý là giá trị được xác định phù hợp với giá thị trường, có thể nhận được khi bán một tài sản hoặc chuyển nhượng một khoản nợ phải trả tại thời điểm xác định giá trị.

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09a - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	30/6/2025		31/12/2024	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Tài sản tài chính				
<i>Được phân loại là tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:</i>				
▪ Chứng khoán kinh doanh	5.037.000.000	11.913.600.000	5.738.500.000	14.021.900.000
<i>Được phân loại là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:</i>				
▪ Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	54.300.000.000	54.300.000.000	53.000.000.000	53.000.000.000
<i>Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:</i>				
▪ Tiền và các khoản tương đương tiền	1.001.213.782.455	1.001.213.782.455	721.793.021	721.793.021
▪ Phải thu tiền bán chứng khoán	-	-	28.557.100	28.557.100
▪ Phải thu từ hoạt động nghiệp vụ	428.100.738	428.100.738	272.045.850	272.045.850
▪ Phải thu ngắn hạn khác	3.995.587.122	3.995.587.122	687.800.001	687.800.001
Nợ phải trả tài chính				
<i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:</i>				
▪ Chi phí phải trả	-	-	40.560.000	40.560.000
▪ Phải trả ngắn hạn khác	322.497.631	322.497.631	76.112.319	76.112.319

Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Chứng khoán kinh doanh

Đối với các loại chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty đại chúng chưa niêm yết (“sàn UPCOM”), giá thị trường là giá đóng cửa tại sàn UPCOM vào ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các công cụ tài chính khác

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính khác của Công ty xấp xỉ giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính này tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024 do thời gian đáo hạn ngắn của các công cụ tài chính này.

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09a - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

21. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

(a) Giao dịch phát sinh trong kỳ

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
Công ty mẹ cấp cao nhất		
Ngân hàng TMCP Á Châu		
Lãi từ tiền gửi có kỳ hạn và tiền gửi thanh toán	716.671.414	1.234.722.082
Phí dịch vụ ngân hàng	1.573.800	273.300
Công ty mẹ		
Công ty TNHH Chứng khoán ACB		
Phí lưu ký chứng khoán	729.232	918.333
Chi phí môi giới chứng khoán	3.299.035	557.550
Quỹ Đầu tư ACB50		
Phí quản lý quỹ	185.487.204	238.573.850
Ban Tổng Giám đốc		
Tiền lương, thù lao và trợ cấp	1.030.022.830	135.000.000

(b) Số dư với các bên liên quan

	30/6/2025 VND	31/12/2024 VND
	Công ty mẹ cấp cao nhất	
Ngân hàng TMCP Á Châu		
Tài khoản thanh toán	964.423.104	609.784.032
Tiền gửi có kỳ hạn	29.300.000.000	28.000.000.000
Dự thu lãi từ hợp đồng tiền gửi	553.258.356	525.471.234
Công ty mẹ		
Công ty TNHH Chứng khoán ACB		
Vốn góp	1.050.000.000.000	50.000.000.000
Chứng khoán lưu ký	5.037.000.000	5.738.500.000
Quỹ Đầu tư ACB50		
Phải thu từ hoạt động quản lý quỹ	30.631.693	30.674.234

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09a - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

22. Yếu tố thời vụ hay chu kỳ

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty không bị ảnh hưởng bởi yếu tố thời vụ hay chu kỳ.

23. Thay đổi trong ước tính kế toán

Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán của Công ty khi lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ này so với báo cáo tài chính năm gần nhất.

24. Các thay đổi trong cơ cấu của Công ty

Không có sự thay đổi nào trong cơ cấu của Công ty kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Ngày 12 tháng 8 năm 2025

Người lập



Trần Thị Thanh Trà
Người lập

Người soát xét



Trần Thị Mỹ Hương
Kế toán quỹ
Thay mặt và đại diện cho
Kế toán trưởng

Người duyệt



Lê Yên Quỳnh
Tổng Giám đốc
Thay mặt và đại diện cho
Chủ tịch Hội đồng Thành viên